

Bản án số: **1244/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-9-2017

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Bà Phan Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 171/2016/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 722/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2017; Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1980 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 30/8 đường H, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: 129 L L T Milledgeville GA - 31061, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Phạm Thanh H quen biết và tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 1085 quyền số 06 ngày 16/4/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2013. Quá trình chung sống, giữa bà và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do thiếu sự tin tưởng lẫn nhau và khác biệt về quan điểm sống. Tháng 8/2013, ông H trở về Mỹ sinh sống và từ thời điểm đó đến nay hai người không còn gặp gỡ hay liên lạc gì với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Thanh H để tự lập cuộc sống mới.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Phạm Thanh H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Phạm Thanh H có văn bản gửi tòa án trình bày ý kiến về việc bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 810/TTPHNGĐ-TGĐVNCTN ngày 02/8/2016). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có công văn đề nghị Bộ Ngoại giao thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự ở nước ngoài và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 4 Điều 477 và có công văn đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Phạm Thanh H ở nước ngoài (Công văn số 410/TATP-TGĐVNCTN ngày 02/6/2017). Để đảm bảo việc xét xử theo đúng hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự

trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và cho đến nay hai người không còn chung sống hoặc liên lạc gì với nhau. Với thực trạng hôn nhân như vậy khả năng hàn gắn, đoàn tụ giữa họ không còn; đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn cùng lời trình bày của đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Phạm Thanh H có quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang định cư tại Hoa Kỳ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến hạn định sau cùng Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của ông Phạm Thanh H. Xét, yêu cầu của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn cùng giấy chứng nhận kết hôn số 1085 quyền số 06 ngày 16/4/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2013, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Trần Thị

Thanh T với ông Pham Thanh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của bà Trần Thị Thanh T thì chỉ một thời gian ngắn sau khi kết hôn, ông Pham Thanh H trở về Hoa Kỳ sinh sống làm việc. Khoảng cách về địa lý giữa hai quốc gia cùng cảnh sống mỗi người một nơi dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hai người không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Thực trạng như vậy dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt, bà Thảo khởi kiện yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Pham Thanh H để ổn định cuộc sống.

Đối với bị đơn ông Pham Thanh H hiện đang định cư tại Hoa Kỳ, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định yêu cầu ông Pham Thanh H có ý kiến bằng văn bản gửi tòa án về trường hợp xin ly hôn của nguyên đơn nhưng ông Pham Thanh H không có ý kiến phản hồi.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại cuộc sống hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh T với ông Pham Thanh H đã có biểu hiện rõ nét của sự đổ vỡ; chỉ chung sống với nhau trong khoảng thời gian rất ngắn rồi ông Pham Thanh H trở về Hoa Kỳ từ năm 2013 cho tới nay vợ chồng không còn chung sống bên nhau hoặc không liên hệ gì với nhau qua thư từ, tin nhắn; điều này cho thấy sự yêu thương gắn kết và tôn trọng lẫn nhau giữa hai người đã không còn và khó có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Nay, xuất phát từ yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Trần Thị Thanh T được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Pham Thanh H; đồng thời bà T phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về lời khai của mình khi tòa án giải quyết vụ án này.

Về con chung: Bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1085 quyền số 06 ngày 16/4/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2013 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006031 ngày 13/4/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang

